

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2021

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Xuân Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thu Thủy.

Bà Lý Ngọc Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1984 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Vu Thuan Q, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Quốc tịch: Hoa Kỳ;

Địa chỉ: Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:*

Chị và anh Vu Thuan Q kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang; theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày

13/10/2016. Sau khi kết hôn, anh Vu Thuan Q về nước và từ đó đến nay chị không liên lạc được với anh Vu Thuan Q. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện yêu cầu:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Vu Thuan Q.

- Về con chung, nợ chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vu Thuan Q đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng vắng mặt trong suốt quá trình hòa giải, xét xử; cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Vu Thuan Q đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thu H; về con chung, tài sản chung, nợ chung: chị H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét; chị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Trần Thị Thu H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Vu Thuan Q nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị Thu H có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn với anh Vu Thuan Q. Anh Vu Thuan Q có quốc tịch Hoa Kỳ và đang cư trú tại Hoa Kỳ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[3] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc ủy thác tư pháp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Vu Thuan Q theo quy định tại

điểm a khoản 1 Điều 474 và điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; nhưng anh Vu Thuan Q không nộp bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mà không có lý do, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Vu Thuan Q theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Trần Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thu H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Trần Thị Thu H và anh Vu Thuan Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 13/10/2016 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của chị Trần Thị Thu H, sau khi kết hôn, anh Vu Thuan Q về nước sinh sống và từ đó đến nay chị không liên lạc được với anh Vu Thuan Q.

Nhận thấy, thời gian anh Vu Thuan Q và chị Trần Thị Thu H chung sống như vợ chồng không dài, sau đó lại sống xa cách nhau trong khoảng thời gian dài khiến cho việc hàn gắn tình cảm vợ chồng không thể thực hiện được; hơn nữa sau khi kết hôn, anh Vu Thuan Q trở về nước sinh sống từ năm 2019 đến nay và không còn liên lạc với chị Trần Thị Thu H làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Mục đích cơ bản của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc và bền vững; nhưng chị Trần Thị Thu H và anh Vu Thuan Q thường xuyên sống xa nhau, lại không liên lạc dẫn đến mâu thuẫn thêm trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được. Thêm vào đó, từ khi chị Trần Thị Thu H nộp đơn xin ly hôn đến nay, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng anh Vu Thuan Q vẫn vắng mặt không lý do, không tham gia các phiên hòa giải, xét xử, cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị H. Điều này cho thấy anh Vu Thuan Q không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Trần Thị Thu H. Cả hai đã không còn tình cảm với nhau, việc kéo dài hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho chị Trần Thị Thu H và anh Vu Thuan Q.

Từ những nhận định trên, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Trần Thị Thu H và anh Vu Thuan Q không còn khả năng hàn gắn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thu H đối với anh Vu Thuan Q.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Thu H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7] Về chi phí tố tụng: Chị Trần Thị Thu H phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng được khấu trừ vào các khoản tạm ứng mà chị đã nộp nên xem như chị đã hoàn thành xong nghĩa vụ chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 1 Điều 228, điểm c khoản 6 Điều 477, khoản 1 và 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thu H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Vu Thuan Q.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số 0001279 ngày 04/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, xem như chị đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: Chị Trần Thị Thu H phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng được khấu trừ vào các khoản tạm ứng mà chị đã nộp nên xem như chị đã hoàn thành xong nghĩa vụ chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Anh Vu Thuan Q cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- CTHADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Xuân Long